

CHƯƠNG TRÌNH

thực hiện Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013
của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI)
*về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý
tài nguyên và bảo vệ môi trường*

THÀNH ỦY TAM K.
Số: 494
ĐẾN Ngày 24/9/13
Chuyên:

Ngày 03/6/2013, Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) đã ban hành Nghị quyết số 24-NQ/TW về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Để tổ chức thực hiện hiệu quả Nghị quyết trên địa bàn tỉnh, Tỉnh ủy xây dựng chương trình thực hiện Nghị quyết như sau:

I- Tình hình thực hiện công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường của tỉnh trong thời gian qua

Những năm qua, cùng với quyết tâm trong lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, sự nỗ lực trong tổ chức thực hiện của các cấp chính quyền, tinh thần trách nhiệm của các cấp, các ngành, của nhân dân và hỗ trợ hiệu quả, kịp thời của các bộ, ngành Trung ương, công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và môi trường của tỉnh từng bước đi vào nề nếp và đạt được một số kết quả nhất định. Việc triển khai các chương trình nhằm nâng cao nhận thức cộng đồng được chú trọng; trang thiết bị, nguồn nhân lực, công tác đào tạo cán bộ, bố trí kinh phí, xây dựng các chính sách, kế hoạch, chiến lược... để phục vụ cho công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường được chú trọng và đẩy mạnh.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, vẫn còn những tồn tại, hạn chế: Công tác bảo vệ môi trường chưa được quan tâm đúng mức; tình trạng ô nhiễm môi trường vẫn còn xảy ra; tình trạng khai thác tài nguyên, khoáng sản trái phép vẫn chưa được kiểm soát chặt chẽ gây lãng phí tài nguyên và ô nhiễm môi trường; tài nguyên nước bị suy giảm cả về chất và lượng. Tổ chức bộ máy quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường trên địa bàn tỉnh còn bất cập; công tác quản lý còn có sự chồng chéo giữa các ngành. Hiệu lực của công tác thanh tra, kiểm tra chưa cao.

II- Quan điểm, mục tiêu

1- Quan điểm chỉ đạo

1.1- Chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường là quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của các cấp, các ngành, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư, đặt dưới sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước và sự tham gia, giám sát của toàn xã hội.

1.2- Sử dụng hiệu quả, tiết kiệm và bền vững các nguồn tài nguyên, đi đôi với bảo đảm an ninh, quốc phòng, bảo vệ môi trường, bảo vệ cảnh quan, bảo đảm hài hòa lợi ích giữa Nhà nước, doanh nghiệp, người dân và cân bằng sinh thái.

1.3- Bảo vệ môi trường vừa là mục tiêu, vừa là một trong những nội dung cơ bản của phát triển bền vững, phải được thể hiện trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội của từng ngành và từng địa phương.

1.4- Khắc phục tư tưởng đặt nặng phát triển kinh tế - xã hội mà coi nhẹ vấn đề bảo vệ môi trường. Lấy phòng ngừa và hạn chế tác động xấu đối với môi trường là chính, kết hợp với xử lý ô nhiễm, khắc phục suy thoái, cải thiện môi trường và bảo tồn thiên nhiên; kết hợp giữa sự đầu tư của Nhà nước với đẩy mạnh huy động nguồn lực trong xã hội và mở rộng hợp tác quốc tế; kết hợp giữa công nghệ hiện đại với các phương pháp truyền thống.

2- Mục tiêu

2.1- Về ứng phó với biến đổi khí hậu

2.1.1- Đánh giá mức độ tác động của biến đổi khí hậu và nước biển dâng đối với các ngành, lĩnh vực và các vùng, khu vực của tỉnh; xây dựng và lựa chọn giải pháp ứng phó với biến đổi khí hậu theo lĩnh vực, khu vực và đối tượng; xây dựng kịch bản biến đổi khí hậu và nước biển dâng của tỉnh.

2.1.2- Lồng ghép các nội dung, hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu vào các quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, của các ngành và các huyện, thành phố nhằm tăng tính bền vững cho các quy hoạch, kế hoạch;

2.1.3- Củng cố, tăng cường năng lực tổ chức, thể chế, chính sách về biến đổi khí hậu và lồng ghép thông tin biến đổi khí hậu, các hoạt động tương ứng của kế hoạch hành động nhằm ứng phó hiệu quả với tác động của biến đổi khí hậu cho các nhóm ngành, lĩnh vực trên địa bàn tỉnh Quảng Nam; xây dựng lực lượng nòng cốt có chuyên môn, nghiệp vụ quản lý về phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai, lực lượng tình nguyện viên để hướng dẫn, hỗ trợ nhân dân trong việc phòng, tránh và giảm nhẹ thiên tai.

2.2- Về quản lý tài nguyên

2.2.1- Công tác quản lý và sử dụng đất được thực hiện theo đúng quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, đảm bảo sử dụng đất hiệu quả, đúng mục đích, đáp ứng các chỉ tiêu theo quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 của tỉnh đã được Chính phủ phê duyệt tại Nghị quyết số 74/NQ-CP ngày 13/6/2013.

2.2.2- Xây dựng và triển khai thực hiện giải pháp quản lý tổng hợp tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh Quảng Nam đến năm 2020 và định hướng đến năm 2030 để phục vụ cho công tác quản lý tài nguyên nước trên địa bàn tỉnh, điều tra hiện trạng khai thác, sử dụng nước dưới đất trên địa bàn tỉnh; lập bản đồ khoanh định vùng cấm, vùng hạn chế khai thác nước dưới đất, xả nước thải ra nguồn nước tại một số địa phương, khu, cụm công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

2.2.3- Tập trung nâng cao nhận thức, tuyên truyền cho cộng đồng, các doanh nghiệp trên địa bàn toàn tỉnh hiểu được vai trò của tài nguyên và sử dụng nước một cách hiệu quả, tiết kiệm.

2.2.4- Đánh giá đầy đủ, toàn diện và bảo vệ có hiệu quả tài nguyên khoáng sản; quản lý chặt chẽ các mỏ khoáng sản đang hoạt động theo quy hoạch đã được phê duyệt. Hoàn thành quy hoạch các khu vực thăm dò, khai thác khoáng sản thuộc thẩm quyền cấp phép của tỉnh theo quy định của pháp luật hiện hành, hoàn thành việc khoanh định các khu vực tạm thời cấm hoạt động khoáng sản vào cuối năm 2013; đánh giá được tiềm năng tài nguyên từng loại, nhóm khoáng sản quan trọng; khoanh định được một số khu vực dự trữ khoáng sản chiến lược quan trọng cho xây dựng cơ sở hạ tầng của tỉnh có tầm nhìn đến năm 2050.

2.3- Về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

2.3.1- Đến hết năm 2020, phần đầu 100% các khu công nghiệp phải có hệ thống xử lý nước thải tập trung; 100% các cơ sở sản xuất mới phải áp dụng công nghệ sạch và trang thiết bị giảm ô nhiễm, xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường; thu gom 90% chất thải rắn sinh hoạt, chất thải công nghiệp và xử lý trên 60% chất thải nguy hại; hoàn thành sớm Đề án quản lý rác thải các vùng nông thôn, 100% nước thải y tế được xử lý đạt tiêu chuẩn môi trường khi xả vào hệ thống thoát nước chung; tỷ lệ dân số thành thị được sử dụng nước sạch 100%, tỷ lệ dân số nông thôn được sử dụng nước hợp vệ sinh đạt 80%; 100% các dự án đã được phê duyệt báo cáo đánh giá tác động môi trường được xác nhận hoàn thành công trình xử lý chất thải theo quy định.

2.3.2- Khắc phục ô nhiễm môi trường, trước hết ở những nơi đã bị ô nhiễm nghiêm trọng, phục hồi các hệ sinh thái đã bị suy thoái, từng bước nâng cao chất lượng môi trường. Gắn kết sự hài hoà giữa tăng trưởng kinh tế, thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội và bảo vệ môi trường; mọi người đều có ý thức bảo vệ môi trường, sống thân thiện với thiên nhiên.

2.3.3- Giữ được diện tích các khu bảo tồn, các hệ sinh thái tự nhiên hiện có; các loài hoang dã trên địa bàn được bảo vệ, giảm từng bước và tiến tới ngăn chặn tình trạng khai thác và tiêu thụ các loài hoang dã nguy cấp trên địa bàn tỉnh. Lập quy hoạch tổng thể bảo tồn đa dạng sinh học trên địa bàn tỉnh Quảng Nam để làm cơ sở cho mọi hoạt động có liên quan đến bảo tồn đa dạng sinh học sau này theo Luật định.

III- Nhiệm vụ

1- Về ứng phó với biến đổi khí hậu

Tiếp tục thực hiện việc nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về biến đổi khí hậu cho đội ngũ cán bộ lãnh đạo từ cấp tỉnh đến cấp xã.

Đẩy nhanh các dự án, chương trình có liên quan đến thích ứng với biến đổi khí hậu đang triển khai thực hiện trên địa bàn tỉnh để tổng kết rút kinh nghiệm và nhân rộng các mô hình thí điểm.

Tiếp tục thực hiện việc nâng cao năng lực và lòng ghép phòng tránh, giảm nhẹ thiên tai vào các chiến lược, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh

tế- xã hội của tỉnh theo Chương trình kế hoạch hành động của tỉnh, phù hợp với điều kiện của từng vùng, địa phương; nâng cao nhận thức, hình thành ý thức thường trực ứng phó với biến đổi khí hậu của các ngành, các cấp, cộng đồng dân cư và người dân nhất là các huyện, thành phố ven biển của tỉnh.

Phát triển và sản xuất mới các loại giống cây trồng, vật nuôi, thủy sản thích ứng với diễn biến thời tiết và tình hình dịch bệnh; tăng cường kiến thức nâng cao năng lực thích ứng, bảo đảm sinh kế cho người dân những vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng nề của biến đổi khí hậu, vùng thường xuyên bị tác động của thiên tai. Biên tập các tài liệu để tổ chức tuyên truyền, nâng cao nhận thức về biến đổi khí hậu cho các đối tượng trên địa bàn tỉnh; hướng dẫn các hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu.

Tranh thủ sự ủng hộ của các bộ, ngành Trung ương để được phê duyệt các dự án Chương trình hỗ trợ ứng phó với biến đổi khí hậu (SP-RCC) và huy động tối đa các nguồn lực đầu tư ứng phó với biến đổi khí hậu, đa dạng hóa các nguồn vốn, nhất là vốn ODA để đầu tư các dự án phục vụ cho thích ứng với biến đổi khí hậu.

2- Về quản lý tài nguyên thiên nhiên

2.1- Tài nguyên đất

Tăng cường quản lý, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020, kế hoạch sử dụng đất của các cấp đã được phê duyệt; xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai của địa phương; tiếp tục thực hiện nghiêm các biện pháp quản lý, bảo vệ diện tích đất trồng lúa; kiểm soát chặt chẽ và xử lý nghiêm các hoạt động làm hủy hoại, suy thoái đất, nhất là hoạt động khai thác khoáng sản, vật liệu xây dựng, sử dụng hóa chất trong danh mục cấm vào canh tác nông nghiệp; hoàn thiện hồ sơ địa chính và xây dựng cơ sở dữ liệu tại Thành phố Tam Kỳ, huyện Núi Thành và vùng Đông sông Trường Giang thuộc 02 huyện Duy Xuyên và Thăng Bình, tiếp tục triển khai các địa phương còn lại. Đẩy nhanh tiến độ phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 cho các xã, trong đó ưu tiên cho các xã quy hoạch nông thôn mới.

2.2- Tài nguyên khoáng sản

Tiếp tục thực hiện có hiệu quả Chỉ thị số 08-CT/TU ngày 13/4/2011 về tăng cường công tác quản lý, bảo vệ tài nguyên khoáng sản trên địa bàn tỉnh; Chương trình hành động số 18-CTr/TU ngày 08/11/2012 về thực hiện Nghị quyết số 02-NQ/TW ngày 25/4/2011 của Bộ Chính trị về định hướng chiến lược khoáng sản và công nghiệp khai khoáng đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

Rà soát các quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản đã được UBND tỉnh phê duyệt và tiến hành xây dựng quy hoạch mới để phù hợp với quy định pháp luật hiện hành và để đảm bảo nguồn tài nguyên khoáng sản của tỉnh được khai thác, sử dụng hợp lý, tiết kiệm, có hiệu quả nhằm phát triển bền vững kinh tế - xã hội trước mắt, lâu dài và bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ môi trường.

Tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo, kiểm tra, giám sát cấp uỷ, chính quyền trong việc chỉ đạo, tổ chức thực hiện công tác quản lý khoáng sản trên địa bàn,

đặc biệt xác định rõ vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu các cấp uỷ đảng, chính quyền trong công tác quản lý khoáng sản; tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra hoạt động khai thác khoáng sản trên địa bàn; xử lý trách nhiệm của người đứng đầu cấp uỷ, chính quyền và các cán bộ liên quan nếu để xảy ra các vi phạm tại địa phương mình quản lý; xử lý nghiêm các tổ chức, cá nhân khai thác trái phép hoặc có sai phạm trong quá trình khai thác khoáng sản.

Tiếp tục điều tra bổ sung, đánh giá tiềm năng khoáng sản, xác định các khu vực dự trữ khoáng sản để sử dụng hiệu quả, tiết kiệm, bền vững; tiến tới chấm dứt các hoạt động khai thác khoáng sản manh mún, nhỏ lẻ, công nghệ lạc hậu, xác định các khu vực đấu giá, không đấu giá và tổ chức đấu giá quyền khai thác khoáng sản theo quy định. Khuyến khích sử dụng công nghệ tận thu các loại khoáng sản đi kèm.

2.3- Tài nguyên nước

Tăng cường giám sát việc khai thác sử dụng nước từ tất cả các nguồn (nước mặt, nước ngầm...), đặc biệt phải có cơ chế vận hành các hồ thủy điện một cách hài hoà giữa yêu cầu phát điện với các nhu cầu khác của hạ nguồn. Bên cạnh đó, xử lý triệt để các tổ chức, cá nhân có hoạt động gây ô nhiễm nguồn nước và các tổ chức, cá nhân vi phạm trong quản lý, khai thác và sử dụng tài nguyên nước.

Phục hồi lại diện tích các loại rừng đã mất, đặc biệt các loại rừng có khả năng giữ nước trên khu vực đầu nguồn, rừng phòng hộ và rừng ngập mặn ven biển.

Quản lý chặt chẽ hoạt động khai thác để hạn chế việc sử dụng nguồn nước quá mức, đặc biệt là nước ngầm để tăng nguồn nước cấp cho mùa khô; đồng thời cần đầu tư nghiên cứu, kiểm kê, đánh giá, qui hoạch dự báo dài hạn, dự báo theo tháng, theo mùa, theo năm... để có kế hoạch sử dụng hợp lý và an toàn nguồn nước.

Tuyên truyền, vận động các chủ thể sử dụng nước phải tiết kiệm nước, sử dụng nước hiệu quả hơn, cần phải xem xét thay đổi cơ cấu sử dụng nước, thay đổi cơ cấu theo mùa vụ, cây trồng, con vật nuôi cho phù hợp với điều kiện và khả năng cung cấp nước sẽ giảm áp lực nguồn nước.

Điều tra, đánh giá chất lượng nước dưới đất tại một số khu vực có nguy cơ ô nhiễm nước dưới đất và có hướng kiểm soát, xử lý, khắc phục; rà soát những giếng hư hỏng, không sử dụng trên địa bàn tỉnh, đề xuất nguồn kinh phí phục vụ cho việc tổ chức trám lấp giếng nhằm ngăn ngừa nguy cơ ô nhiễm nước dưới đất.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về tài nguyên nước. Rà soát chức năng, nhiệm vụ của từng ngành để tránh sự chồng chéo trong việc quản lý tài nguyên nước.

2.4- Về bảo vệ môi trường và đa dạng sinh học

Nâng cao hiệu lực, hiệu quả đánh giá tác động môi trường, đảm bảo chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, dự án phát triển đáp ứng các yêu cầu về bảo vệ môi trường từ khâu lập, phê duyệt, triển khai thực hiện; thực hiện nghiêm

công tác hậu kiểm đối với các cơ sở sản xuất, kinh doanh nhằm phòng ngừa, hạn chế các tác động xấu đến môi trường.

Triển khai thực hiện tốt các nhiệm vụ đã đề ra trong Đề án Quy hoạch chất thải rắn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2011-2020; chiến lược bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020; kế hoạch hành động kiểm soát ô nhiễm môi trường trên địa bàn tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2010-2015; quy hoạch mạng lưới quan trắc môi trường tỉnh Quảng Nam giai đoạn 2010 -2015; kế hoạch hành động đa dạng sinh học tỉnh Quảng Nam đến năm 2015 và định hướng đến năm 2020.

Xử lý triệt để các cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng. Tăng cường công tác kiểm soát không để tiếp tục phát sinh các cơ sở gây ô nhiễm nghiêm trọng mới; tăng cường phòng ngừa, kiểm soát chặt chẽ các nguồn gây ô nhiễm môi trường, đặc biệt là ô nhiễm môi trường tại các khu, cụm công nghiệp, khu khai thác khoáng sản, làng nghề, lưu vực sông, khu dân cư, đô thị và ô nhiễm môi trường trong sản xuất nông nghiệp; từng bước đầu tư hệ thống xử lý nước thải tập trung tại các khu, cụm công nghiệp, làng nghề.

Đẩy mạnh thực hiện các chương trình, dự án đầu tư xử lý nước thải, nhất là nước thải công nghiệp, nước thải y tế, nước thải từ hoạt động chăn nuôi gia súc tập trung, nước thải sinh hoạt đô thị; tập trung xử lý chất thải rắn, quản lý chất thải nguy hại; nâng cao năng lực và cải thiện công tác thu gom, xử lý chất thải rắn sinh hoạt khu vực nông thôn. Thúc đẩy việc phân loại chất thải tại nguồn, tái sử dụng, tái chế; sản xuất, thu hồi năng lượng từ chất thải, nhất là chất thải công nghiệp và sinh hoạt.

Tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện pháp luật về bảo vệ môi trường, tăng cường công tác hậu kiểm đánh giá tác động môi trường, xác nhận hoàn thành các công trình xử lý môi trường trước khi đi vào vận hành chính thức.

Tăng cường bảo vệ nghiêm các giống loài và nguồn gen. Thực hiện các hoạt động bảo tồn các loài hoang dã, ngăn chặn nạn săn bắn, tiêu thụ động, thực vật hoang dã, quý hiếm; tăng cường kiểm soát việc nhập khẩu các sinh vật ngoại lai xâm hại; bảo tồn các giống, loài vật nuôi bản địa có giá trị; bảo quản và gìn giữ lâu dài nguồn gen quý, hiếm, các giống cây trồng đặc sản địa phương, các loại giống có khả năng chống chịu với sâu, dịch bệnh và khả năng thích nghi với điều kiện thời tiết dị thường. Thực hiện có hiệu quả dự án bảo tồn đa dạng sinh học BCC và các chương trình dự án khác liên quan đến bảo tồn.

IV- Giải pháp

1- Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền

Các cấp ủy đảng, chính quyền quán triệt sâu sắc những nội dung Nghị quyết số 24-NQ/TW của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) và nội dung Chương trình này đến toàn thể cán bộ, đảng viên và nhân dân nhằm tạo sự thống nhất cao trong nhận thức và hành động với ứng

phổ biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Phân định rõ trách nhiệm của các ngành, các cấp ủy đảng, chính quyền về xây dựng năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường. Xử lý nghiêm các trường hợp cán bộ, đảng viên tiếp tay cho hoạt động khai thác khoáng sản trái phép, tiêu thụ động vật hoang dã nguy cấp.

Khắc phục tình trạng tổ chức thực hiện thiếu quyết liệt, mang tính hình thức, tư duy quá coi trọng tăng trưởng kinh tế, bỏ qua hoặc buông lỏng quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tài nguyên, môi trường.

Thành lập Quỹ bảo vệ môi trường tỉnh Quảng Nam, xây dựng cơ chế cho vay ưu đãi đối với các hoạt động bảo vệ tài nguyên và môi trường; nâng cao vai trò phản biện của các tổ chức chính trị xã hội.

2- Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục, nâng cao nhận thức, hình thành ý thức chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu và ý thức tự giác bảo vệ tài nguyên, môi trường

Đưa ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tài nguyên, môi trường vào nội dung sinh hoạt của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể xã hội, chương trình giáo dục cho học sinh, sinh viên trong nhà trường và chương trình trên các phương tiện thông tin đại chúng của địa phương; xây dựng chuyên mục trên website của tỉnh, Sở Tài nguyên và Môi trường, chuyên mục Tài nguyên và Môi trường phát thanh trên sóng truyền hình Quảng Nam. Khuyến khích việc tổ chức các cuộc thi tìm hiểu về môi trường cho học sinh, sinh viên, doanh nghiệp và cộng đồng dân cư.

Nâng cao nhận thức, ý thức trách nhiệm về ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường của đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp, các ngành, doanh nghiệp và người dân.

3- Đẩy mạnh nghiên cứu, ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ

Chú trọng đầu tư, nghiên cứu và xây dựng các chương trình, kế hoạch về ứng phó với biến đổi khí hậu có tính khả thi để ứng phó hiệu quả với biến đổi khí hậu cho từng giai đoạn, từng ngành, từng địa phương; thực hiện các đề tài nghiên cứu khoa học cấp tỉnh, cấp ngành để đạt được mục tiêu về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Thu hút các dự án đầu tư có công nghệ sản xuất thân thiện với môi trường, tiết kiệm năng lượng, sử dụng có hiệu quả tài nguyên, ít chất thải; khuyến khích sử dụng các giải pháp tiết kiệm năng lượng nhằm giảm thiểu phát khí thải.

Nâng cao năng lực cảnh báo, điều tra, đánh giá, ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

4- Tăng cường công tác quản lý nhà nước về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường

Từng bước cụ thể hoá cơ chế, chính sách pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh.

Rà soát kiện toàn, nâng cao năng lực, ý thức trách nhiệm của đội ngũ cán bộ làm công tác quản lý nhà nước về bảo vệ tài nguyên, môi trường, ứng phó với biến đổi khí hậu ở địa phương. Tạo mọi điều kiện để cán bộ tham gia các lớp đào tạo tập huấn nâng cao trình độ về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên, bảo vệ môi trường.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra nhằm bảo đảm các chính sách, pháp luật về ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tài nguyên, môi trường được thực hiện nghiêm trên thực tế tại địa bàn tỉnh.

Tăng cường năng lực quan trắc tài nguyên và môi trường; thiết lập cơ chế chia sẻ, trao đổi thông tin với hệ thống quan trắc quốc gia và các địa phương lân cận, nhằm xây dựng cơ sở dữ liệu về thực trạng và diễn biến chất lượng môi trường và biến đổi khí hậu của địa phương.

Xây dựng cơ chế phối hợp hiệu quả giữa các ngành, địa phương, phân định rõ chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan trong ứng phó biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; xây dựng cơ chế và khuyến khích người dân tham gia giám sát việc quản lý, khai thác tài nguyên, bảo vệ môi trường và ứng phó với biến đổi khí hậu.

5- Tăng cường huy động nguồn lực tài chính cho ứng phó với biến đổi khí hậu và bảo vệ tài nguyên, môi trường

Hàng năm, ưu tiên bố trí ngân sách phù hợp cho công tác quản lý tài nguyên, xử lý ô nhiễm môi trường, bảo tồn đa dạng sinh học và ứng phó biến đổi khí hậu. Tranh thủ tối đa nguồn kinh phí từ Chương trình mục tiêu Quốc gia về ứng phó biến đổi khí hậu, khắc phục và cải thiện ô nhiễm môi trường.

Thực hiện nguyên tắc người gây ô nhiễm môi trường phải trả chi phí để xử lý, khắc phục hậu quả, cải tạo và phục hồi môi trường; người được hưởng lợi từ tài nguyên, môi trường phải có nghĩa vụ đóng góp để đầu tư trở lại cho quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

Khuyến khích, hỗ trợ, ưu đãi doanh nghiệp và người dân tham gia hoạt động ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường; hỗ trợ người dân trồng và bảo vệ rừng, nhất là rừng đầu nguồn; đẩy mạnh xã hội hóa đầu tư cho hoạt động bảo vệ môi trường.

6- Coi trọng hợp tác, hội nhập quốc tế và khu vực

Tranh thủ sự hỗ trợ từ bên ngoài cho các hoạt động bảo vệ tài nguyên và môi trường, đặc biệt là công tác ứng phó với biến đổi khí hậu; ưu tiên mở rộng quan hệ quốc tế dưới hình thức thiết lập các chương trình, dự án hỗ trợ, chuyển giao công nghệ mới giảm phát thải khí nhà kính, thích ứng với biến đổi khí hậu và bảo vệ môi trường.

Tăng cường hợp tác quốc tế và khu vực, chủ động phối hợp chặt chẽ với Trung ương và các tỉnh, thành phố trong khu vực để trao đổi thông tin, kinh nghiệm về ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường.

V- Tổ chức thực hiện

1- Các cấp ủy đảng tổ chức triển khai và quán triệt Nghị quyết số 24-NQ/TW ngày 03/6/2013 ngày 03/6/2013 của Hội nghị lần thứ bảy Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khóa XI) về chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, tăng cường quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường và Chương trình này trong từng địa phương, cơ quan, đơn vị; xây dựng chương trình, kế hoạch cụ thể để thực hiện; thường xuyên theo dõi, kiểm tra để kịp thời chỉ đạo nhằm hạn chế lệch lạc, sai phạm trong tổ chức thực hiện.

2- Đảng đoàn HĐND tỉnh, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh cụ thể hóa nội dung Chương trình thành những chủ trương, cơ chế, chính sách, đề án; chỉ đạo các ngành, địa phương triển khai thực hiện và thường xuyên kiểm tra, đôn đốc, sơ kết, tổng kết để rút kinh nghiệm trong chỉ đạo, lãnh đạo và tổ chức triển khai thực hiện nhằm đạt được các mục tiêu đề ra.

3- Các ban đảng Tỉnh ủy, Văn phòng Tỉnh ủy có trách nhiệm theo dõi, kịp thời báo cáo, tham mưu Ban Thường vụ Tỉnh ủy chỉ đạo triển khai thực hiện tốt Chương trình này.

4- Các cơ quan thông tin, tuyên truyền, các cơ quan thông tấn, báo chí, phát thanh - truyền hình thường xuyên thông tin, tuyên truyền về công tác ứng phó với biến đổi khí hậu, quản lý tài nguyên và bảo vệ môi trường trên địa bàn tỉnh./.

T/M TỈNH ỦY
BÍ THƯ
(Đã ký)

Nguyễn Đức Hải

THÀNH ỦY TAM KỲ
VĂN PHÒNG

*

Số 322/BS/VP

Nơi nhận:

- HĐND, UBND, UBMT TP
- Các ban xây dựng đảng;
- Các phòng, ban, ngành, đoàn thể;
- Các đ/c TUV ;
- Lưu.

Sao lục

Tam Kỳ, ngày 05 tháng 9 năm 2013

K/T CHÁNH VĂN PHÒNG
PHÓ CHÁNH VĂN PHÒNG



Phạm Văn Tường